

Số: 118/2024/QĐST-HNGĐ

Tân An, ngày 25 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

Căn cứ vào các điều: 397, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều: 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 330/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980;

Địa chỉ cư trú: Số C ấp N, xã N, thành phố T, tỉnh Long An.

- Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1979;

Địa chỉ cư trú: Số B ấp X, xã L, thành phố T, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ông Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thị Hồng N tiến tới hôn nhân do tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T (trước đây là thị xã T), tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03 tháng 02 năm 2004, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Tại phiên hòa giải ngày 17 tháng 9 năm 2024, hai bên thực sự tự nguyện ly hôn do không còn tình cảm với nhau, xác định có một con chung đã thành niên, xác định tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thị Hồng N thống nhất tự nguyện thuận tình ly hôn do không còn tình cảm.

- Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông T và bà N có một con chung tên Nguyễn Ngọc Duy B, sinh ngày 02/12/2004 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Vấn đề khác: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Các đương sự phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0000713 ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An sang thi hành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- Viện KSND tp T;
- Chi cục THADS tp T;
- UBND xã L, thành phố T
(Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH);
- Lưu: Hồ sơ việc DS, án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Toàn Vẹn